

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD05129**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Lắp ráp và cài đặt máy tính**

Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020675	Nguyễn Lê Hoàng Gia	Bảo	19/11/2008				8	9.0	8.0	7.0		9.0		8.6
2	2454801020676	Nguyễn Đức	Duy	11/06/2009				8	6.0	5.0	6.0		0.0		2.4
3	2454801020677	Trần Quốc	Đạt	26/09/2009				8	6.0	6.0	6.0		6.5		6.4
4	2454801020678	Nguyễn Phan Hải	Đăng	07/01/2009				8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.1
5	2454801020679	Huỳnh Thanh	Hiếu	23/10/2009				8	5.0	6.0	5.0		7.0		6.5
6	2454801020680	Nguyễn Xuân	Huy	28/10/2009				8	6.0	6.0	7.0		7.0		6.8
7	2454801020682	Trần Đào Minh	Khang	28/04/2009				8	6.0	7.0	7.0		7.5		7.2
8	2454801020683	Bành Anh	Khoa	17/03/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
9	2454801020684	Trần Trung	Kiên	31/12/2009				8	5.0	5.0	6.0		6.0		5.9
10	2454801020685	Ab Douk Sa	Lam	29/09/2009				8	7.0	6.0	6.0		7.0		6.8
11	2454801020686	Du Hoàng	Lực	13/10/2009				8	7.0	6.0	7.0		7.5		7.2
12	2454801020687	Ha Sal Pha Ha	My	21/04/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
13	2454801020688	Duy Hoàng	Nam	30/11/2009				8	7.0	7.0	6.0		7.5		7.2
14	2454801020689	Nguyễn Quốc	Nam	09/05/2009				8	6.0	5.0	6.0		6.0		6.0
15	2454801020690	Nguyễn Văn	Nam	11/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
16	2454801020692	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/02/2009				8	6.0	5.0	6.0		6.0		6.0
17	2454801020693	Thái Công	Nguyên	28/10/2009				8	6.0	6.0	6.0		7.5		7.0
18	2454801020694	Lê Quang	Nhật	19/10/2009				8	8.0	9.0	7.0		8.5		8.3
19	2454801020695	Nguyễn Chế Minh	Phát	24/05/2009				8	6.0	5.0	6.0		6.0		6.0
20	2454801020696	Trần Minh	Phúc	07/11/2008				8	6.0	6.0	6.0		6.0		6.1
21	2454801020697	Mohamad	Saléh	21/10/2007				8	7.0	6.0	7.0		7.0		6.9
22	2454801020698	Lê Hoàng	Sang	04/04/2002				8	6.0	7.0	6.0		8.0		7.4
23	2454801020699	Nguyễn Tiến	Sang	01/05/2009				8	6.0	5.0	6.0		6.5		6.3
24	2454801020700	Đỗ Nguyễn Việt	Thanh	28/03/2009				8	5.0	6.0	5.0		6.0		5.9
25	2454801020701	Huỳnh Quốc	Thạo	07/09/2009				8	5.0	5.0	6.0		6.0		5.9
26	2454801020702	Nguyễn Lê	Thông	24/06/2009				8	7.0	6.0	7.0		6.5		6.6
27	2454801020703	Nguyễn Huỳnh Chí	Tinh	07/09/2008				8	7.0	7.0	6.0		7.0		6.9
28	2454801020704	Hồ Khai	Trí	03/05/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
29	2454801020705	Vương Quan	Trí	12/11/2009				8	6.0	6.0	6.0		6.0		6.1
30	2454801020706	Đặng Minh	Triết	15/01/2008				8	6.0	5.0	7.0		6.0		6.1
31	2454801020707	Lý Thiên	Tuấn	28/06/2009				8	7.0	6.0	7.0		7.0		6.9
32	2454801020708	Võ Thanh	Văn	25/12/2009				8	8.0	7.0	6.0		7.5		7.4
33	2454801020709	Nguyễn Quang	Vinh	26/01/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Công Minh Duy